

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/KDTM-ST

Ngày 24-9-2020

V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng
thế chấp

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Yên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Khương

Ông Nguyễn Minh Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Lệ Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2020/TLST-KDTM ngày 01 tháng 6 năm 2020 tranh chấp về Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng bảo lãnh, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST-KDTM ngày 25 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2020/QĐST-KDTM ngày 14 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng SH; địa chỉ trụ sở: Số 77 A, phường A, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông C và ông D; chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ cấp 2, Ngân hàng TMCP SH, Chi nhánh Hải Phòng; (Giấy ủy quyền số 30/UQ-TGD ngày 10 tháng 02 năm 2020 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP SH); đều có mặt.

- Bị đơn: Công ty TV; địa chỉ trụ sở: Số 01 E, phường F, quận G, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông H; chức vụ: Giám đốc; là người đại diện theo pháp luật của bị đơn; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Công ty NLQ; địa chỉ trụ sở: Số 22 phố I, phường J, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông C và ông D; chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ cấp 2, Ngân hàng TMCP SH, Chi nhánh Hải Phòng; (Giấy ủy quyền số 30/UQ-TGD ngày 10 tháng 02 năm 2020 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP SH); đều có mặt;

+ Ông NLQ1 và bà NLQ2; cùng cư trú: Số 3/46 đường K, phường L, quận M, thành phố Hải Phòng; đều vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng SH (sau đây viết tắt là SH) và Công ty TV (sau đây viết tắt là Công ty) ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số 280110100801/HĐTD-HM/2011 ngày 28/01/2011 để Công ty vay vốn tại SH. Tổng số tiền Công ty vay của SH theo hợp đồng tín dụng trên là 35.000.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng; mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi suất chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên của Công ty tại SH gồm 09 tài sản là nhà đất theo các Hợp đồng thế chấp tài sản được ký tại Văn phòng Công chứng N (nay là Văn phòng Công chứng O).

Theo đó, SH đã giải ngân cho Công ty tổng số tiền 35.000.000.000 đồng theo các Giấy nhận nợ vay ngày 01/8/2011, 02/8/2011, 03/8/2011, 04/8/2011 và ngày 05/8/2011. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty đã trả SH được tổng số tiền 17.445.945.438 đồng (gốc 16.429.480.000 đồng, lãi 1.016.465.438 đồng) và đã giải chấp được 08 tài sản bảo đảm. Hiện còn 01 (một) tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại Lô 2B số 44 P, phường Q, quận M, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 893305 do Ủy ban nhân dân quận M, thành phố Hải Phòng cấp ngày 05/02/2008 đứng tên ông NLQ1, bà NLQ2 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 0247.2011/HĐTC ngày 28/01/2011.

Ngày 12/9/2014, SH đã bán toàn bộ khoản nợ của Công ty cho Công ty NLQ (sau đây viết tắt là VAMC) theo Hợp đồng mua bán nợ số 2448/2014/MBN.VAMC2-SH. Đồng thời, SH nhận ủy quyền từ VAMC để tiếp tục thực hiện các quyền của chủ nợ đối với Công ty. Do Công ty kinh doanh kém hiệu quả, không trả được nợ theo thỏa thuận, từ ngày 24/6/2016, Công ty vi phạm các điều khoản thanh toán trong Hợp đồng tín dụng đã ký. SH thay mặt VAMC đã đôn đốc Công ty nhiều lần về việc trả nợ nhưng không có kết quả. Do đó, VAMC có đơn khởi kiện Công ty tại Tòa án đề nghị giải quyết những nội dung sau:

1. Buộc Công ty phải thanh toán cho VAMC tiền nợ tạm tính đến ngày 21/8/2019 theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 280110100801/HĐTD-HM/2011 ngày 28/01/2011, với tổng số là 76.559.333.221 đồng (gốc 18.570.520.000 đồng; lãi trong hạn 1.033.299.562 đồng; lãi quá hạn 56.955.513.659 đồng).

2. Công ty tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền nợ gốc nói trên kể từ sau ngày 24/9/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

3. Trường hợp Công ty không thanh toán trả được khoản nợ trên, thì VAMC được quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án xử lý tài sản bảo đảm là nhà đất tại số 44 đường P, phường Q, quận M, thành phố Hải Phòng đứng tên ông NLQ1 và bà NLQ2 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 0247.2011/HĐTC ngày 28/01/2011 tại Văn phòng Công chứng N để thu hồi nợ.

Sau khi Tòa án ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử, ngày 31/8/2020, SH có đơn đề nghị thay đổi tư cách của nguyên đơn (VAMC) và giao nộp Hợp đồng mua bán nợ số 2797/2019/BN.VAMC1.SH ngày 22/11/2019 kèm theo, nội dung thể hiện VAMC đã bán lại khoản nợ của Công ty cho SH. Theo đó, SH đề nghị Tòa án thay đổi địa vị tố tụng giữa VAMC và SH; và đề nghị Tòa án giải quyết các nội dung cụ thể sau:

1. Buộc Công ty TV phải thanh toán cho Ngân hàng SH tiền nợ tính đến ngày xét xử 24/9/2020 theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 280110100801/HĐTD-HM/2011 ngày 28/01/2011, với tổng số là 80.118.359.285 đồng. Trong đó:

Nợ gốc: 18.570.520.000 đồng;

Nợ lãi trong hạn: 1.033.299.562 đồng;

Nợ lãi quá hạn: 60.514.539.723 đồng.

2. Công ty TV tiếp tục phải chịu tiền lãi trên số tiền nợ gốc nói trên kể từ sau ngày xét xử cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

3. Trường hợp Công ty TV không thanh toán trả được khoản nợ trên, thì Ngân hàng SH được quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án xử lý tài sản đảm bảo là nhà đất tại số 44 đường P, phường Q, quận M, thành phố Hải Phòng đứng tên ông NLQ1 và bà NLQ2 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 0247.2011/HĐTC ngày 28/01/2011 tại Văn phòng Công chứng N để thu hồi nợ.

Ngoài ra, người đại diện hợp pháp của SH tại phiên tòa xác nhận: Tại thời điểm phiên tòa xét xử hôm nay 24/9/2020, bản án phúc thẩm số 37/2020/DS-PT ngày 14/7/2020 của Tòa án thành phố Hải Phòng xét xử vụ án dân sự về tuyên bố Văn bản công chứng - Hợp đồng thế chấp tài sản số 0247.2011/HĐTC ngày 28/01/2011 vô hiệu đã có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, SH vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với quyền được xử lý tài sản bảo đảm cho khoản vay để thu hồi nợ.

Bị đơn là Công ty TV trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều không đến Tòa án làm việc. Do đó, bị đơn không có quan điểm đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông NLQ1 và bà NLQ2 trình bày:

Trước khi VAMC khởi kiện yêu cầu Công ty thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng nêu trên, ngày 19/7/2016, bà NLQ2 đã khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng tuyên bố Hợp đồng thế chấp tài sản giữa SH và ông NLQ1, bà NLQ2 để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại SH là vô hiệu. Theo đó, tại Bản án dân sự sơ thẩm ngày 17/9/2019 và Bản án dân sự phúc thẩm ngày 14/7/2020 của Tòa án hai cấp thành phố Hải Phòng đã xét xử và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà NLQ2: Tuyên bố Hợp đồng thế chấp tài sản số 0247.2011/HĐTC ngày 28/01/2011 tại Văn phòng Công chứng N là vô hiệu và đến thời điểm hiện tại, bản án trên đã có hiệu lực pháp luật. Nay, ông NLQ1 và bà NLQ2 cho rằng ông bà không còn liên quan đến vụ án VAMC khởi kiện yêu cầu Công ty thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng mà Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng đang giải quyết. Do vậy, ông NLQ1 và bà NLQ2 đề nghị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng xét xử vắng mặt ông bà và không đưa ông bà vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Quan điểm của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty NLQ:

VAMC xác nhận ngày 28/01/2011, SH và Công ty ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số 280110100801/HĐTD-HM/2011 với các nội dung, điều khoản như người đại diện hợp pháp của SH trình bày tại phiên tòa. Năm 2014, SH đã bán toàn bộ khoản nợ của Công ty cho VAMC. Trước khi VAMC nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng giải quyết buộc Công ty thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng đã ký, thì VAMC lại bán lại khoản nợ trên của Công ty cho SH vào ngày 22/11/2019. Tuy nhiên, do nhận thức nên VAMC không thông báo, không giao nộp các tài liệu thể hiện việc bán lại khoản nợ của Công ty cho SH Chi nhánh Hải Phòng, người đại diện hợp pháp của VAMC trong vụ án và Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng biết.

Nay, VAMC không có ý kiến gì về việc SH đề nghị Tòa án thay đổi địa vị tố tụng giữa VAMC và SH cũng như về việc đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty phải thanh toán cho SH khoản nợ tính đến ngày Tòa án xét xử 24/9/2020 theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 280110100801/HĐTD-HM/2011 ngày 28/01/2011 với tổng số tiền Công ty còn nợ SH là 80.118.359.285 đồng.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không tuân thủ quy định của pháp luật, vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không có lý do.

- Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 245 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 116, 117, 119, 280, 398, 466, 468, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 90, 91, 94, 95, 98 của Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 6, Điều 17 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 24/9/2020 theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 280110100801/HĐTD-HM/2011 ngày 28/01/2011 là 80.118.359.285 đồng (gốc 18.570.520.000 đồng; lãi trong hạn 1.033.299.562 đồng; lãi quá hạn 60.514.539.723 đồng). Bị đơn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc nói trên kể từ sau ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết nợ, theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xử lý tài sản đảm bảo (là Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại Lô 2B số 44 đường P, phường Q, quận M, thành phố Hải Phòng đứng tên ông NLQ1 và bà NLQ2) trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 0247.2011/HĐTC ngày 28/01/2011 tại Văn phòng Công chứng N để thu hồi nợ.

Bị đơn phải nộp án phí tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Hoàn trả VAMC số tiền đã nộp tạm ứng án phí 92.279.500 đồng. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về áp dụng pháp luật tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

[1] Đây là vụ án Kinh doanh thương mại tranh chấp về Hợp đồng tín dụng theo hạn mức giữa nguyên đơn là Ngân hàng SH và bị đơn là Công ty TV khởi kiện trong thời hạn luật định. Tranh chấp phát sinh giữa các bên là tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản theo khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ trụ sở tại số 01 đường E, phường F, quận G, thành phố Hải Phòng nên Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc thay đổi địa vị tố tụng và thay đổi người tham gia tố tụng:

[2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án xác định ông NLQ1 và bà NLQ2 tham tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bởi lẽ tài sản bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại SH thuộc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của ông NLQ1, bà NLQ2. Tuy nhiên, vào ngày 20/6/2016, bà NLQ2 có đơn khởi kiện Văn phòng Công chứng N (nay là Văn phòng Công chứng O), đề nghị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng giải quyết tuyên bố Văn bản công chứng - Hợp đồng thế chấp tài sản giữa ông NLQ1, bà NLQ2 và SH là vô hiệu. Theo đó, vụ án đã được Tòa án hai cấp thành phố Hải Phòng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà NLQ2; bản án dân sự phúc thẩm ngày 14/7/2020 của Tòa án thành phố Hải Phòng đã có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xác định, ông NLQ1 và bà NLQ2 không cần thiết phải tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nữa.

[3] Sau khi Tòa án ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử, ngày 31/8/2020, SH có đơn đề nghị thay đổi tư cách tham gia tố tụng trong vụ án giữa SH và VAMC, gửi kèm theo Hợp đồng mua bán nợ số 2797/2019/BN.VAMC1.SH ngày 22/11/2019 về việc VAMC đã bán lại khoản nợ của Công ty cho SH. Hội đồng xét xử xét cần thay đổi địa vị tố tụng của đương sự trong vụ án theo quy định tại Điều 245 của Bộ luật Tố tụng, cụ thể: SH là nguyên đơn; VAMC là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

+ Về sự vắng mặt của bị đơn:

[4] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không có lý do và không có căn cứ xác định việc vắng mặt là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc áp dụng pháp luật:

[5] Nguyên đơn và bị đơn ký Hợp đồng tín dụng hạn mức ngày 28/01/2011. Đây là giao dịch dân sự được xác lập trước ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực (01/01/2017). Thời điểm nguyên đơn khởi kiện và tại thời điểm xét xử, giao dịch dân sự giữa các bên đang được thực hiện, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 688 về điều khoản chuyển tiếp để xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về áp dụng pháp luật nội dung:

+ Xét tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng:

[5] Hợp đồng tín dụng hạn mức số 280110100801/HĐTD-HM/2011 ngày 28/01/2011 ký giữa nguyên đơn và bị đơn đều tuân thủ quy định tại Điều 116, Điều 117, Điều 119 của Bộ luật Dân sự; Điều 17 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, nên hợp đồng là hợp pháp. Do

vậy, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

+ Xét việc thực hiện hợp đồng của các bên và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về khoản tiền nợ gốc:

[6] Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn số tiền vay theo thỏa thuận, nhưng bị đơn vi phạm nghĩa vụ nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn như cam kết. Do đó, nguyên đơn đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn và khởi kiện tại Tòa án là phù hợp với Điều 8 của Hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết và quy định tại khoản 4 Điều 1 Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Nguyên đơn giao nộp căn cứ chứng minh là bảng kê chi tiết nợ gốc theo lịch trình đã trả theo hợp đồng tín dụng đã ký của bị đơn, được tính từ thời điểm giải ngân đến ngày xét xử 24/9/2020. Xét các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp phù hợp với nhau, phù hợp với lời trình bày của người đại diện của nguyên đơn, căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự và khoản 2 Điều 6 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đề nghị bị đơn phải trả số tiền nợ gốc 18.570.520.000 đồng.

+ Xét yêu cầu trả tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn:

[7] Việc các bên thỏa thuận mức lãi suất vay tại hợp đồng tín dụng là phù hợp với quy định tại Điều 11 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Nguyên đơn cung cấp bảng tính lãi theo các bên cam kết trong hợp đồng, phù hợp với chính sách lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Dư nợ gốc tính lãi phù với tập sao kê giao dịch tài khoản vay. Như vậy, bảng tính lãi có căn cứ được chấp nhận. Đối chiếu bảng tính lãi với tập sao kê giao dịch tài khoản vay, xác định: Tính đến ngày xét xử 24/9/2020, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ lãi trong hạn là 1.033.299.562 đồng và nợ lãi quá hạn là 60.514.539.723 đồng. Xét, cần chấp nhận yêu cầu trả tiền nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn như trên của nguyên đơn đối với bị đơn theo khoản 2 Điều 6 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng.

+ Đối với yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo:

[8] Hội đồng xét xử xét, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2019/DS-ST ngày 17/9/2019 và Bản án dân sự phúc thẩm số 37/2020/DS-PT ngày 14/7/2020 của Tòa án hai cấp thành phố Hải Phòng xét xử đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà NLQ2: Tuyên bố Văn bản công chứng - Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 0247.2011/HĐTC ngày 28/01/2011 do Văn phòng Công chứng N (nay là Văn phòng Công chứng O) vô hiệu và bản án dân sự trên đã có hiệu lực pháp luật. Do đó, toàn bộ nhà đất tại Lô 2B số 44 đường P, phường Q, quận M, thành phố Hải Phòng đứng tên ông NLQ1 và bà NLQ2 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 0247.2011/HĐTC ngày 28/01/2011 tại Văn phòng Công chứng N hiện không phải là tài sản bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại SH. Vì vậy, yêu cầu của nguyên

đơn về việc được quyền đề nghị Cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản đảm bảo trên để thu hồi nợ trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng đã ký là không có cơ sở chấp nhận.

+ Đối với quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

[9] Từ những phân tích và đánh giá trên, Hội đồng xét xử nhận thấy đề nghị của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên cần chấp nhận.

+ Về án phí:

[10] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 là:

112.000.000 đồng + 0,1% của phần giá trị tranh chấp vượt 4.000.000.000 đồng (80.118.359.285 đồng - 4.000.000.000 đồng) = 188.118.359 đồng.

+ Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

[11] Việc yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả tiền lãi quá hạn tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm theo hợp đồng tín dụng các bên đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận mức lãi suất phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng và phù hợp với Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều, 245 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 116, 117, 119, 280, 398, 466, 468, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 90, 91, 94, 95, 98 của Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 6, Điều 17 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; khoản 4 Điều 1 của Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03 tháng 2 năm 2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

1.1. Buộc Công ty TV phải thanh toán trả cho Ngân hàng SH tính đến ngày xét xử 24/9/2020 theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 280110100801/HĐTD-HM/2011 ngày 28/01/2011, với tổng số tiền là 80.118.359.285 (tám mươi tỷ, một trăm mười tám triệu, ba trăm năm mươi chín nghìn, hai trăm tám mươi lăm) đồng. Trong đó:

Nợ gốc: 18.570.520.000 đồng;

Nợ lãi trong hạn: 1.033.299.562 đồng;

Nợ lãi quá hạn: 60.514.539.723 đồng.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng SH về việc: Trong trường hợp Công ty TV không thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả nợ cho Ngân hàng SH theo Hợp đồng tín dụng đã ký, thì Ngân hàng SH được quyền đề nghị Cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại Lô 2B số 44 đường P, phường Q, quận M, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 893305 do Ủy ban nhân dân quận M, thành phố Hải Phòng cấp ngày 05/02/2008 đứng tên ông NLQ1 và bà NLQ2, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 0247.2011/HĐTC ngày 28/01/2011 tại Văn phòng Công chứng N (nay là Văn phòng Công chứng O) để thu hồi nợ.

3. Về án phí:

Công ty TV phải nộp số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 188.118.359 (một trăm tám mươi tám triệu, một trăm mười tám nghìn, ba trăm lăm chín) đồng.

Trả lại cho Công ty NLQ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 92.279.500 (chín mươi hai triệu, hai trăm bảy mươi chín nghìn, năm trăm) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009932 ngày 28 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Ngân hàng SH, Công ty NLQ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Công ty TV được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hải Yến